

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA**

**KỶ THI NGÀY 24/5/2026**

**Địa điểm thi: Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHDN (131 Lương Nhữ Hộc, Phường Cẩm Lệ, Đà Nẵng)**

**Thời gian thi**

**Ca 1 (7h00-11h30); Ca 2 (13h00- 17h30)**

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca thi	Phòng thi
1	245001	Hồ Lê An	412220214	22CNATMCLC02	1	1 (A401)
2	245002	Ngô Ninh Kiều An	412250358	25CNADL04	1	1 (A401)
3	245003	Nguyễn Hà An	411220412	22CNACLC02	1	1 (A401)
4	245004	Nguyễn Thùy An	411220440	22CNACLC03	1	1 (A401)
5	245005	Phạm Nguyễn Hoàng An	411170006	17CNA02	1	1 (A401)
6	245006	Nguyễn Thùy Phước Ân	411210586	21CNACLC01	1	1 (A401)
7	245007	Bùi Trần Hoàng Ngọc Như Anh	411170806	17CNACLC01	1	1 (A401)
8	245008	Đậu Lê Phương Anh	411210415	21CNA08	1	1 (A401)
9	245009	Đỗ Thị Vân Anh	412220268	22CNATMCLC04	1	1 (A401)
10	245010	Dương Thị Lan Anh	411230501	23CNA13	1	1 (A401)
11	245011	Hồ Thị Phương Anh	412220269	22CNATMCLC04	1	1 (A401)
12	245012	Hồ Văn Anh	412250359	25CNADL04	1	1 (A401)
13	245013	Lê Loan Anh	411220156	22CNA05	1	1 (A401)
14	245014	Lê Nữ Quỳnh Anh	416220076	22CNDPHCLC01	1	1 (A401)
15	245015	Lê Thị Phương Anh	411220384	22CNACLC01	1	1 (A401)
16	245016	Lữ Thị Anh	412210042	21CNADL02	1	1 (A401)
17	245017	Nguyễn Thị Trâm Anh	411220509	22CNATT02	1	1 (A401)
18	245018	Nguyễn Thị Vân Anh	412210172	21CNADLCLC01	1	1 (A401)
19	245019	Nguyễn Thị Vân Anh	412220215	22CNATMCLC02	1	1 (A401)
20	245020	Phan Nguyễn Hoàng Anh	412220108	22CNATM01	1	1 (A401)
21	245021	Trần Mai Bảo Anh	411230347	23CNA09	1	1 (A401)
22	245022	Trần Thị Tú Anh	412220241	22CNATMCLC03	1	1 (A401)
23	245023	Võ Huỳnh Ngọc Anh	411220471	22CNATT01	1	1 (A401)
24	245024	Lê Hồng Ánh	411230615	23CNATT01	1	1 (A401)
25	245025	Nguyễn Ngọc Bảo	412220149	22CNATM02	1	1 (A401)
26	245026	Phạm Nguyễn Bình	412220296	22CNATMĐT01	1	1 (A401)
27	245027	Trương Văn Hòa Bình	412220044	22CNADL02	1	1 (A401)
28	245028	Nguyễn Vũ Châu	411200769	20CNACLC07	1	1 (A401)
29	245029	Thái Linh Chi	411220195	22CNA06	1	2 (A402)
30	245030	Phan Công Anh Chiến	412250361	25CNADL04	1	2 (A402)
31	245031	Huỳnh Thị Cúc	412180112	18CNADL01	1	2 (A402)
32	245032	Nguyễn Thanh Hùng Cường	411230311	23CNA08	1	2 (A402)
33	245033	Lê Văn Đại	412200086	20CNADL03	1	2 (A402)
34	245034	Đinh Văn Đăng	411230350	23CNA09	1	2 (A402)
35	245035	Mai Hữu Danh	412200248	20CNATMCLC01	1	2 (A402)
36	245036	Nguyễn Ngọc Quỳnh Dao	412170828	17CNATMCLC02	1	2 (A402)
37	245037	Dương Tấn Đạt	412200341	20CNATMCLC04	1	2 (A402)
38	245038	Bùi Thúy Diễm	412220190	22CNATMCLC01	1	2 (A402)
39	245039	Cao Quỳnh Diễm	412230046	23CNADL02	1	2 (A402)
40	245040	Nguyễn Thúy Diễm	412220219	22CNATMCLC02	1	2 (A402)
41	245041	Hoàng Thị Ngọc Diệp	412210266	21CNATMCLC03	1	2 (A402)
42	245042	Mai Thị Ngọc Diệp	411210125	21CNA01	1	2 (A402)
43	245043	KSor H' Diệp	412171172	17CNADL04	1	2 (A402)
44	245044	Lô Thị Huyền Diệu	419220003	22SPA01	1	2 (A402)
45	245045	Trần Thị Huyền Diệu	411200191	20CNA04	1	2 (A402)
46	245046	Nguyễn Dương Văn Định	411230467	23CNA12	1	2 (A402)
47	245047	Nguyễn Vy Khánh Đoan	411220389	22CNACLC01	1	2 (A402)

<b>TT</b>	<b>SBD</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Số thẻ SV</b>	<b>Lớp</b>	<b>Ca thi</b>	<b>Phòng thi</b>
48	245048	Cao Xuân Đức	412250365	25CNADL04	1	2 (A402)
49	245049	Đỗ Thị Kim Dung	411210335	21CNA06	1	2 (A402)
50	245050	Dương Thị Thùy Dung	411210503	21CNA10	1	2 (A402)
51	245051	Hồ Trịnh Phương Dung	412170086	17CNADL02	1	2 (A402)
52	245052	Lê Khánh Ngọc Dung	411170841	17CNACLC03	1	2 (A402)
53	245053	Nguyễn Đoàn Phương Dung	411210590	21CNACLC01	1	2 (A402)
54	245054	Nguyễn Lê Thị Mỹ Dung	411200647	21CNACLC04	1	2 (A402)
55	245055	Nguyễn Thị Thùy Dung	411220006	22CNA01	1	2 (A402)
56	245056	Thái Thị Dung	412200167	20CNATM02	1	2 (A402)
57	245057	Trần Thị Phan Dung	412210267	21CNATMCLC03	1	3 (A403)
58	245058	Trần Thị Phương Dung	411200589	20CNACLC02	1	3 (A403)
59	245059	Trần Thị Thùy Dung	412210045	21CNADL02	1	3 (A403)
60	245060	Đặng Huỳnh Duy	412220083	22CNADLCLC01	1	3 (A403)
61	245061	Nguyễn Thị Khánh Duy	411210126	22CNA01	1	3 (A403)
62	245062	Hoàng Thị Mỹ Duyên	412220006	22CNADL01	1	3 (A403)
63	245063	Lê Thị Phương Duyên	411200650	20CNACLC04	1	3 (A403)
64	245064	Lê Thị Quỳnh Duyên	411210650	21CNACLC03	1	3 (A403)
65	245065	Nguyễn Phạm Kiều Duyên	412220335	22CNADL02	1	3 (A403)
66	245066	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	411230079	23CNA02	1	3 (A403)
67	245067	Phạm Thị Thùy Duyên	411230196	23CNA05	1	3 (A403)
68	245068	Phan Thị Duyên	411210709	21CNACLC05	1	3 (A403)
69	245069	Trần Huỳnh Duyên	411210739	21CNACLC06	1	3 (A403)
70	245070	Trần Vũ Kỳ Duyên	412220272	22CNATMCLC04	1	3 (A403)
71	245071	H-An Êban	413230006	23CNP01	1	3 (A403)
72	245072	Bùi Thị Giang	412200045	20CNADL02	1	3 (A403)
73	245073	Bùi Thị Hương Giang	412210179	21CNADLCLC01	1	3 (A403)
74	245074	Cao Thị Trà Giang	411220515	22CNATT02	1	3 (A403)
75	245075	Đinh Thị Hà Giang	411220161	22CNA05	1	3 (A403)
76	245076	Dương Thị Hương Giang	411200193	20CNA04	1	3 (A403)
77	245077	Hoàng Ngọc Hà Giang	411190527	19CNACLC07	1	3 (A403)
78	245078	Lê Thị Hương Giang	411210337	22CNA06	1	3 (A403)
79	245079	Nguyễn Thị Quỳnh Giang	411200279	20CNA06	1	3 (A403)
80	245080	Trần Thị Linh Giang	411230469	23CNA12	1	3 (A403)
81	245081	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	411210338	21CNA06	1	3 (A403)
82	245082	Trần Thị Quý Giàu	411210296	21CNA05	1	3 (A403)
83	245083	Nguyễn Thị Hà	412200088	20CNADL03	1	3 (A403)
84	245084	Nguyễn Thị Việt Hà	411220391	22CNACLC01	1	3 (A403)
85	245085	Nguyễn Thu Hà	411170863	17CNACLC06	1	4 (B401)
86	245086	Nguyễn Trần Ngân Hà	412230049	23CNADL02	1	4 (B401)
87	245087	Trần Võ Thu Hà	412220153	22CNATM02	1	4 (B401)
88	245088	Võ Thị Hà	411220237	22CNA07	1	4 (B401)
89	245089	Phan Dương Nhật Hân	412230050	23CNADL02	1	4 (B401)
90	245090	Đỗ Thị Thúy Hằng	412180709	18CNATMCLC02	1	4 (B401)
91	245091	Lê Nữ Minh Hằng	415220007	22CNTDL01	1	4 (B401)
92	245092	Lê Thị Hằng	411190087	19CNA03	1	4 (B401)
93	245093	Lê Thị Hằng	415220146	22CNTTM01	1	4 (B401)
94	245094	Ngô Phan Thu Hằng	411170159	17CNA12	1	4 (B401)
95	245095	Phạm Nguyễn Thúy Hằng	411220163	22CNA05	1	4 (B401)
96	245096	Phạm Thị Thúy Hằng	411200281	20CNA06	1	4 (B401)
97	245097	Nguyễn Thị Hạnh	412210239	21CNATMCLC02	1	4 (B401)
98	245098	Trần Mai Hạnh	411200709	20CNACLC06	1	4 (B401)
99	245099	Trần Thị Hạnh	411180716	18CNACLC03	1	4 (B401)
100	245100	Trần Thị Thanh Hậu	411230661	23CNATT02	1	4 (B401)
101	245101	Huỳnh Thị Thanh Hiền	411210711	21CNACLC05	1	4 (B401)

<b>TT</b>	<b>SBD</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Số thẻ SV</b>	<b>Lớp</b>	<b>Ca thi</b>	<b>Phòng thi</b>
102	245102	Mai Thu	Hiền	412220118	22CNATM01	1 4 (B401)
103	245103	Nguyễn Minh	Hiền	411220392	22CNACLC01	1 4 (B401)
104	245104	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	412210010	22CNADL01	1 4 (B401)
105	245105	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	411200738	20CNA13	1 4 (B401)
106	245106	Nguyễn Thị Thu	Hiền	411170182	17CNA06	1 4 (B401)
107	245107	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	411190553	19CNACLC08	1 4 (B401)
108	245108	Trần	Hiền	412210009	21CNADL01	1 4 (B401)
109	245109	Võ Thị Thanh	Hiền	411170181	17CNA09	1 4 (B401)
110	245110	Võ Thanh	Hiền	411210553	21CNATT01	1 4 (B401)
111	245111	Phạm Quang	Hiệp	411200483	20CNA11	1 4 (B401)
112	245112	Lâm Thị Minh	Hiếu	411230355	23CNA09	1 4 (B401)
113	245113	Vũ Trung	Hiếu	411230471	23CNA12	1 5 (B402)
114	245114	Dương Thị Ngọc	Hòa	417170049	17CNH02	1 5 (B402)
115	245115	Trịnh Thị Diệu	Hòa	412200212	20CNATM03	1 5 (B402)
116	245116	Nguyễn Việt	Hoàng	411200485	20CNA11	1 5 (B402)
117	245117	Phan Huy	Hoàng	411220010	22CNA01	1 5 (B402)
118	245118	Võ Quang	Hoàng	412250368	25CNADL04	1 5 (B402)
119	245119	Lê Thị Thu	Hồng	411220126	22CNA04	1 5 (B402)
120	245120	Nguyễn Huy	Hợp	411220202	22CNA06	1 5 (B402)
121	245121	Ngô Thị Ngọc	Huế	411200239	20CNA05	1 5 (B402)
122	245122	Nguyễn Thị	Huế	411200524	20CNA12	1 5 (B402)
123	245123	Nguyễn Thị	Huệ	411210653	21CNACLC03	1 5 (B402)
124	245124	Nguyễn Thị Thu	Huệ	412220247	22CNATMCLC03	1 5 (B402)
125	245125	Mai Thuận	Hưng	412220301	22CNATMĐT01	1 5 (B402)
126	245126	Lê Thanh Quỳnh	Hương	411220011	22CNA01	1 5 (B402)
127	245127	Nguyễn Thị	Hương	411200075	20CNA01	1 5 (B402)
128	245128	Trần Thị Lan	Hương	411210426	21CNA08	1 5 (B402)
129	245129	Lê Thị	Hường	412220009	22CNADL01	1 5 (B402)
130	245130	Nguyễn Thị Thu	Hường	411230356	23CNA09	1 5 (B402)
131	245131	Trương Thị Thanh	Hường	411190581	19CNACLC04	1 5 (B402)
132	245132	Cao Diệu	Huyền	411230511	23CNA13	1 5 (B402)
133	245133	Hồ Thị Thanh	Huyền	412250370	25CNADL04	1 5 (B402)
134	245134	Huỳnh Đăng Mỹ	Huyền	411220355	22CNA10	1 5 (B402)
135	245135	Mai Khánh	Huyền	412210272	21CNATMCLC03	1 5 (B402)
136	245136	Nguyễn Diệu	Huyền	419220007	22SPA01	1 5 (B402)
137	245137	Nguyễn Thị	Huyền	412220223	22CNATMCLC02	1 5 (B402)
138	245138	Nguyễn Thị	Huyền	412230132	23CNATM01	1 5 (B402)
139	245139	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	411220012	22CNA01	1 5 (B402)
140	245140	Phan Thị	Huyền	411220203	22CNA06	1 5 (B402)
141	245141	Trần Thị	Huyền	412210302	21CNATMCLC04	1 6 (B403)
142	245142	Trịnh Thu	Huyền	411230046	23CNA01	1 6 (B403)
143	245143	Văn Thị Khánh	Huyền	415220011	23CNT01	1 6 (B403)
144	245144	Nguyễn Tuấn	Kha	411180758	18CNACLC06	1 6 (B403)
145	245145	Hà Minh Vân	Khanh	412220276	22CNATMCLC04	1 6 (B403)
146	245146	Huỳnh Bảo	Khanh	411200683	20CNACLC05	1 6 (B403)
147	245147	Lâm Mai Bảo	Khanh	411220242	22CNA07	1 6 (B403)
148	245148	Trịnh Bảo	Khanh	412220085	22CNADLCLC01	1 6 (B403)
149	245149	Nguyễn Thị Kiều	Khánh	411230397	23CNA10	1 6 (B403)
150	245150	Nguyễn Lương Hương	Khoa	411210134	21CNA01	1 6 (B403)
151	245151	Phạm Minh	Khuê	411230513	23CNA13	1 6 (B403)
152	245152	Hồ Thị Liên	Khuông	412220051	22CNADL02	1 6 (B403)
153	245153	Nguyễn Bảo	Khuyên	411230588	23CNA15	1 6 (B403)
154	245154	Dương Đình	Kiên	411220318	22CNA09	1 6 (B403)
155	245155	Nguyễn Ngọc Diệu	Kỳ	411170916	17CNACLC01	1 6 (B403)

<b>TT</b>	<b>SBD</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Số thẻ SV</b>	<b>Lớp</b>	<b>Ca thi</b>	<b>Phòng thi</b>
156	245156	Lê Hồng Lam	411200364	20CNA08	1	6 (B403)
157	245157	Trịnh Thị Mỹ Lan	411210512	21CNA10	1	6 (B403)
158	245158	Trương Thị Lành	411170265	17CNA12	1	6 (B403)
159	245159	Lê Thị Thanh Lê	411200451	20CNA10	1	6 (B403)
160	245160	Nguyễn Thị Tri Lễ	411220395	22CNACL01	1	6 (B403)
161	245161	Phan Thị Mỹ Lệ	411190157	19CNA03	1	6 (B403)
162	245162	Bùi Trúc Linh	411210716	21CNACL05	1	6 (B403)
163	245163	Cao Thị Khánh Linh	411220481	22CNATT01	1	6 (B403)
164	245164	Đậu Nguyễn Yến Linh	411220424	22CNACL02	1	6 (B403)
165	245165	Huỳnh Ngọc Thùy Linh	411220014	22CNA01	1	6 (B403)
166	245166	Lê Huyền Linh	411200120	20CNA02	1	6 (B403)
167	245167	Lê Thị Khánh Linh	411180774	18CNACL06	1	6 (B403)
168	245168	Lê Thị Khánh Linh	411220452	22CNACL03	1	6 (B403)
169	245169	Lê Thị Linh Linh	412220278	22CNATMCL04	1	7 (C401)
170	245170	Ngô Thị Mỹ Linh	411220054	22CNA02	1	7 (C401)
171	245171	Nguyễn Đình Linh	411230086	23CNA02	1	7 (C401)
172	245172	Nguyễn Hà Khánh Linh	415230101	23CNT01	1	7 (C401)
173	245173	Nguyễn Hồ Gia Linh	411220358	22CNA10	1	7 (C401)
174	245174	Nguyễn Mai Linh	411200492	20CNA11	1	7 (C401)
175	245175	Nguyễn Thị Khánh Linh	411230666	23CNATT02	1	7 (C401)
176	245176	Nguyễn Thị Thuý Linh	411200712	20CNACL06	1	7 (C401)
177	245177	Phạm Thị Diệu Linh	412220122	22CNATM01	1	7 (C401)
178	245178	Phạm Thị Hoài Linh	411210556	21CNATT01	1	7 (C401)
179	245179	Trần Hữu Nguyên Linh	412250373	25CNADL04	1	7 (C401)
180	245180	Trần Thị Khánh Linh	411220483	22CNATT01	1	7 (C401)
181	245181	Trần Thị Khánh Linh	415220015	23CNT01	1	7 (C401)
182	245182	Trần Thị Trà Linh	411220053	22CNA02	1	7 (C401)
183	245183	Võ Nhật Khánh Linh	412220162	22CNATM02	1	7 (C401)
184	245184	Nguyễn Thị Thanh Loan	415230199	23BHTCTQ02	1	7 (C401)
185	245185	Nguyễn Dư Phúc Lộc	412220087	22CNADLCL01	1	7 (C401)
186	245186	Nguyễn Đoàn Quân Long	412230305	23CNATMĐT01	1	7 (C401)
187	245187	Đinh Thị Mai Lưu	411200598	20CNACL02	1	7 (C401)
188	245188	Lê Thị Khánh Ly	412170311	17CNATM03	1	7 (C401)
189	245189	Lê Thị Khánh Ly	411220359	22CNA10	1	7 (C401)
190	245190	Nguyễn Cao Hoài Ly	411220055	22CNA02	1	7 (C401)
191	245191	Nguyễn Thị Khánh Ly	411200495	20CNA11	1	7 (C401)
192	245192	Nguyễn Thị Ly Ly	412220198	22CNATMCL01	1	7 (C401)
193	245193	Trương Thị Cẩm Ly	411200165	20CNA03	1	7 (C401)
194	245194	Võ Thị Cẩm Lý	411170322	18CNA06	1	7 (C401)
195	245195	Lê Như Mai	411200713	20CNACL06	1	7 (C401)
196	245196	Nguyễn Thanh Mai	412230020	23CNADL01	1	7 (C401)
197	245197	Nguyễn Trần Phương Mai	412220227	22CNATMCL02	1	8 (C402)
198	245198	Trương Hoàng Xuân Mai	411220484	22CNATT01	1	8 (C402)
199	245199	Bùi Khắc Tuệ Mẫn	411210598	21CNACL01	1	8 (C402)
200	245200	Nguyễn Huệ Mẫn	411220208	22CNA06	1	8 (C402)
201	245201	Lò Thị Mận	411220246	22CNA07	1	8 (C402)
202	245202	Nguyễn Thị Mến	411180317	18CNA07	1	8 (C402)
203	245203	Đỗ Hiếu Minh	412250224	25CNATMĐT02	1	8 (C402)
204	245204	Lương Nhật Minh	412220253	22CNATMCL03	1	8 (C402)
205	245205	Phan Thị Minh	412220306	22CNATMĐT01	1	8 (C402)
206	245206	Đỗ Thảo My	411190629	19CNACL06	1	8 (C402)
207	245207	Huỳnh Bùi Kiều My	411210628	21CNACL02	1	8 (C402)
208	245208	Huỳnh Nguyễn Thị Trà My	411220171	22CNA05	1	8 (C402)
209	245209	Nguyễn Thị Trà My	412220199	22CNATMCL01	1	8 (C402)

<b>TT</b>	<b>SBD</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Số thẻ SV</b>	<b>Lớp</b>	<b>Ca thi</b>	<b>Phòng thi</b>
210	245210	Nguyễn Thị Trà	My	412220281	22CNATMCLC04	1 8 (C402)
211	245211	Phạm Nguyễn Trà	My	411210688	21CNACLC04	1 8 (C402)
212	245212	Trần Thị Trà	My	417220182	22CNJ02	1 8 (C402)
213	245213	Trịnh Thị Trà	My	412210148	21CNATM02	1 8 (C402)
214	245214	Võ Ngọc Thoại	Mỹ	411230630	23CNATT01	1 8 (C402)
215	245215	Bùi Thị Ly	Na	411220323	23CNA09	1 8 (C402)
216	245216	Đoàn Lưu Ly	Na	413220043	22CNPDL01	1 8 (C402)
217	245217	Hoàng Thị Diệu	Na	412230138	23CNATM01	1 8 (C402)
218	245218	Nguyễn Kiều Ly	Na	412220282	22CNATMCLC04	1 8 (C402)
219	245219	Nguyễn Quỳnh	Na	411230479	23CNA12	1 8 (C402)
220	245220	Trần Thị	Na	411200373	20CNA08	1 8 (C402)
221	245221	Trần Thị Lê	Na	411220247	22CNA07	1 8 (C402)
222	245222	Võ Thị Linh	Na	411200599	20CNACLC02	1 8 (C402)
223	245223	Nguyễn Linh	Nga	417220218	22CNJCLC01	1 8 (C402)
224	245224	Nguyễn Thị	Nga	411220018	22CNA01	1 8 (C402)
225	245225	Phạm Thị	Nga	412210058	21CNADL02	1 9 (C404)
226	245226	Siu H' Linh	Nga	412190960	19CNATM02	1 9 (C404)
227	245227	Trần Thị	Nga	411230013	23BHTC01	1 9 (C404)
228	245228	Chế Thị Kim	Ngân	411170961	17CNACLC05	1 9 (C404)
229	245229	Hồ Thị Kim	Ngân	412230223	23CNATM03	1 9 (C404)
230	245230	Nguyễn Thị	Ngân	412210018	21CNADL01	1 9 (C404)
231	245231	Phạm Thị Ái	Ngân	411220425	22CNACLC02	1 9 (C404)
232	245232	Phan Thị Thanh	Ngân	412250142	25CNATM04	1 9 (C404)
233	245233	Phan Thị Tuyết	Ngân	412220283	22CNATMCLC04	1 9 (C404)
234	245234	Trần Bảo Hoàng	Ngân	412210189	22CNADLCLC01	1 9 (C404)
235	245235	Trần Thị Thanh	Ngân	411210748	21CNACLC06	1 9 (C404)
236	245236	Võ Thị Thanh	Ngân	411220426	22CNACLC02	1 9 (C404)
237	245237	Vũ Diễm Bảo	Ngân	411200807	20CNACLC08	1 9 (C404)
238	245238	Vũ Thị Kim	Ngân	411200333	20CNA07	1 9 (C404)
239	245239	Nguyễn Thị Thuý	Ngân	412210248	21CNATMCLC02	1 9 (C404)
240	245240	Đặng Gia	Nghi	411230403	23CNA10	1 9 (C404)
241	245241	Đỗ Thị Mẫn	Nghi	412220057	22CNADL02	1 9 (C404)
242	245242	Hồ Thị Ánh	Ngọc	411200086	20CNA01	1 9 (C404)
243	245243	Huỳnh Nguyễn Bảo	Ngọc	412200017	20CNADL01	1 9 (C404)
244	245244	Nguyễn Khánh	Ngọc	412250378	25CNADL04	1 9 (C404)
245	245245	Nguyễn Lâm Bảo	Ngọc	411200809	20CNACLC08	1 9 (C404)
246	245246	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	411220060	22CNA02	1 9 (C404)
247	245247	Nguyễn Thị Như	Ngọc	411230208	23CNA05	1 9 (C404)
248	245248	Phạm Bích	Ngọc	411210435	21CNA08	1 9 (C404)
249	245249	Trần Lê Bảo	Ngọc	416220118	22CNQTH01	1 9 (C404)
250	245250	Trần Thị Bảo	Ngọc	411210477	21CNA09	1 9 (C404)
251	245251	Văn Nguyễn Bảo	Ngọc	411220099	22CNA03	1 9 (C404)
252	245252	Lê Đoàn Trang	Nguyên	412220130	22CNATM01	1 9 (C404)
253	245253	Lê Trung	Nguyên	411220251	22CNA07	2 10 (A401)
254	245254	Nguyễn Hải	Nguyên	411230595	23CNA15	2 10 (A401)
255	245255	Phan Thảo	Nguyên	412210060	21CNADL02	2 10 (A401)
256	245256	Tạ Công	Nguyên	411220213	22CNA06	2 10 (A401)
257	245257	Trần Thảo	Nguyên	411220364	22CNA10	2 10 (A401)
258	245258	Trần Văn Khôi	Nguyên	412250379	25CNADL04	2 10 (A401)
259	245259	Lê Thị Minh	Nguyệt	412200182	20CNATM02	2 10 (A401)
260	245260	Ngô Thị Minh	Nguyệt	411210226	21CNA03	2 10 (A401)
261	245261	Nguyễn Thị Xuân	Nguyệt	411170395	17CNA10	2 10 (A401)
262	245262	Phạm Minh	Nguyệt	411190673	19CNACLC04	2 10 (A401)
263	245263	Trần Thanh	Nguyệt	412220169	22CNATM02	2 10 (A401)

<b>TT</b>	<b>SBD</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Số thẻ SV</b>	<b>Lớp</b>	<b>Ca thi</b>	<b>Phòng thi</b>	
264	245264	Trần Thị Minh	Nguyệt	411200250	20CNA05	2	10 (A401)
265	245265	Phan Sỹ Thiện	Nhân	412250380	25CNADL04	2	10 (A401)
266	245266	Bùi Trung	Nhật	412220018	22CNADL01	2	10 (A401)
267	245267	Cao Thị	Nhi	417230016	23CNH01	2	10 (A401)
268	245268	Cao Yên	Nhi	411220428	22CNACLC02	2	10 (A401)
269	245269	Dư Uyên	Nhi	412230224	23CNATM03	2	10 (A401)
270	245270	Hoàng Lam	Nhi	412220021	22CNADL01	2	10 (A401)
271	245271	Huỳnh Thị Uyên	Nhi	412220060	22CNADL02	2	10 (A401)
272	245272	Lê Bùi Hà	Nhi	411230675	23CNATT02	2	10 (A401)
273	245273	Lê Nguyễn Thảo	Nhi	412220312	22CNATMĐT01	2	10 (A401)
274	245274	Lê Thị Hồng	Nhi	411200537	20CNA12	2	10 (A401)
275	245275	Lê Thị Thảo	Nhi	411220252	22CNA07	2	10 (A401)
276	245276	Lê Thị Thảo	Nhi	412220059	22CNADL02	2	10 (A401)
277	245277	Lương Huỳnh	Nhi	411180840	18CNACLC06	2	10 (A401)
278	245278	Nguyễn Hoàng Yên	Nhi	411220022	22CNA01	2	10 (A401)
279	245279	Nguyễn Khổng Tuyết	Nhi	412250145	25CNATM04	2	10 (A401)
280	245280	Nguyễn Linh	Nhi	411200600	20CNACLC02	2	11 (A402)
281	245281	Nguyễn Thị Khánh	Nhi	412220019	22CNADL01	2	11 (A402)
282	245282	Nguyễn Thị Yên	Nhi	412220311	22CNATMĐT01	2	11 (A402)
283	245283	Nguyễn Thị Yên	Nhi	411230483	23CNA12	2	11 (A402)
284	245284	Phạm Thị Yên	Nhi	412220020	22CNADL01	2	11 (A402)
285	245285	Puih Linh	Nhi	411200500	20CNA11	2	11 (A402)
286	245286	Trần Nguyễn Quỳnh	Nhi	411220457	22CNACLC03	2	11 (A402)
287	245287	Trần Thị Mỹ	Nhi	411220365	22CNA10	2	11 (A402)
288	245288	Trần Thị Tuyết	Nhi	411220062	22CNA02	2	11 (A402)
289	245289	Trần Thị Xuân	Nhi	411200501	20CNA11	2	11 (A402)
290	245290	Võ Thị Yên	Nhi	411180389	18CNA02	2	11 (A402)
291	245291	Võ Yên	Nhi	411230250	23CNA06	2	11 (A402)
292	245292	Đào Thùy	Nhiên	411230289	23CNA07	2	11 (A402)
293	245293	Nguyễn Thị Kiều	Nhiên	411210479	21CNA09	2	11 (A402)
294	245294	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	411220429	22CNACLC02	2	11 (A402)
295	245295	Trần Nguyễn Quỳnh	Như	412250383	25CNADL04	2	11 (A402)
296	245296	Nguyễn Phạm Thanh	Nhung	411230598	23CNA15	2	11 (A402)
297	245297	Nguyễn Thị Thanh	Nhung	412220023	22CNADL01	2	11 (A402)
298	245298	Nguyễn Thị Xuân	Nhung	411210144	21CNA01	2	11 (A402)
299	245299	Phùng Thái	Ni	412220232	22CNATMCLC02	2	11 (A402)
300	245300	Võ Thị Hồng	Ni	411200210	20CNA04	2	11 (A402)
301	245301	H Mai	Niê	412200100	20CNADL03	2	11 (A402)
302	245302	Trần Kim	Oanh	411200635	20CNACLC03	2	11 (A402)
303	245303	Trần Thị Hoàng	Oanh	412250384	25CNADL04	2	11 (A402)
304	245304	Lê Hoàng Nhật	Phi	411220102	22CNA03	2	11 (A402)
305	245305	Lê Vĩnh	Phú	416210112	21CNQTH02	2	11 (A402)
306	245306	Nguyễn Thiên An	Phúc	412220260	22CNATMCLC03	2	11 (A402)
307	245307	Nguyễn Trịnh Hồng	Phúc	411210605	21CNACLC01	2	12 (A403)
308	245308	Trần Thị Hoàng	Phúc	416210209	22CNQTHCLC01	2	12 (A403)
309	245309	Lê Thị Như	Phượng	411210724	21CNACLC05	2	12 (A403)
310	245310	Trần Thị	Phượng	411180424	18CNA01	2	12 (A403)
311	245311	Trịnh Thị Hà	Phượng	411220430	22CNACLC02	2	12 (A403)
312	245312	Trịnh Thị Hoài	Phượng	411220178	22CNA05	2	12 (A403)
313	245313	Huỳnh Thị Thu	Phượng	411230486	23CNA12	2	12 (A403)
314	245314	Phạm Thị	Phượng	415230110	23CNT01	2	12 (A403)
315	245315	Phạm Thị Hồng	Phượng	411210695	21CNACLC04	2	12 (A403)
316	245316	Trần Đình	Quân	412230192	23CNATM02	2	12 (A403)
317	245317	Giã Khánh	Quang	411230448	23CNA11	2	12 (A403)

<b>TT</b>	<b>SBD</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Số thẻ SV</b>	<b>Lớp</b>	<b>Ca thi</b>	<b>Phòng thi</b>
318	245318	Đặng Duy Quốc	412230267	23CNATM04	2	12 (A403)
319	245319	Huỳnh Thị Lệ Quyên	411200384	20CNA08	2	12 (A403)
320	245320	Mai Thị Lệ Quyên	411210755	21CNACLC06	2	12 (A403)
321	245321	Nguyễn Mỹ Quyên	412200294	20CNATMCLC02	2	12 (A403)
322	245322	Trần Thị Ánh Quyên	412200263	20CNATMCLC01	2	12 (A403)
323	245323	Cao Thị Như Quỳnh	411200664	20CNACLC04	2	12 (A403)
324	245324	Lê Thị Như Quỳnh	412171042	17CNATMCLC02	2	12 (A403)
325	245325	Lê Thị Như Quỳnh	411220293	22CNA08	2	12 (A403)
326	245326	Nguyễn Diễm Quỳnh	411220460	22CNACLC03	2	12 (A403)
327	245327	Thái Cẩm Quỳnh	412220066	22CNADL02	2	12 (A403)
328	245328	Trần Nguyễn Như Quỳnh	411220066	22CNA02	2	12 (A403)
329	245329	Trần Thị Diễm Quỳnh	411230682	23CNATT02	2	12 (A403)
330	245330	Trần Thị Như Quỳnh	412220096	22CNADLCLC01	2	12 (A403)
331	245331	Đặng Trọng Ngọc San	411230602	23CNA15	2	12 (A403)
332	245332	Lê Thị Sang	411220181	22CNA05	2	12 (A403)
333	245333	Mai Văn Tài	411220256	22CNA07	2	12 (A403)
334	245334	Cao Tô Tâm	411210756	21CNACLC06	2	13 (B401)
335	245335	Hồ Thị Thanh Tâm	412220175	22CNATM02	2	13 (B401)
336	245336	Huỳnh Minh Tâm	411171048	17CNACLC06	2	13 (B401)
337	245337	Nguyễn Thanh Tân	412230106	23CNADL03	2	13 (B401)
338	245338	Ksor Thẩm	411200341	20CNA07	2	13 (B401)
339	245339	Trần Thị Thẩm	412170537	17CNADL03	2	13 (B401)
340	245340	Nguyễn Nam Thắng	411230603	23CNA15	2	13 (B401)
341	245341	Bạch Thái Thanh	411171054	17CNACLC06	2	13 (B401)
342	245342	Trần Hương Thanh	412220208	22CNATMCLC01	2	13 (B401)
343	245343	Trần Công Thành	411210319	21CNA05	2	13 (B401)
344	245344	Đoàn Thị Thu Thảo	411220221	22CNA06	2	13 (B401)
345	245345	Hồ Thị Phương Thảo	412220068	22CNADL02	2	13 (B401)
346	245346	Hoàng Thị Thảo	411220537	22CNATT02	2	13 (B401)
347	245347	Lê Phương Thảo	412210313	21CNATMCLC04	2	13 (B401)
348	245348	Lê Phương Thảo	411220497	22CNATT01	2	13 (B401)
349	245349	Nguyễn Hoàng Vy Thảo	419230019	23SPA01	2	13 (B401)
350	245350	Nguyễn Thị Kim Thảo	412220235	22CNATMCLC02	2	13 (B401)
351	245351	Nguyễn Thị Phương Thảo	411200508	20CNA11	2	13 (B401)
352	245352	Phạm Thị Thanh Thảo	411220069	22CNA02	2	13 (B401)
353	245353	Phan Thanh Thảo	411200135	20CNA02	2	13 (B401)
354	245354	Phan Thị Phương Thảo	411200137	20CNA02	2	13 (B401)
355	245355	Phan Thị Thanh Thảo	412200234	20CNATM03	2	13 (B401)
356	245356	Trần Đào Phương Thảo	411220259	22CNA07	2	13 (B401)
357	245357	Trần Phương Thảo	411220461	22CNACLC03	2	13 (B401)
358	245358	Trần Thị Phương Thảo	411220258	22CNA07	2	13 (B401)
359	245359	Trần Thị Thanh Thảo	411171058	17CNACLC02	2	13 (B401)
360	245360	Hồ Thị Thiện	411200511	20CNA11	2	13 (B401)
361	245361	Nguyễn Hoàng Quốc Thịnh	411230179	23CNA04	2	14 (B402)
362	245362	Trần Đức Thịnh	411190756	19CNACLC04	2	14 (B402)
363	245363	Nguyễn Thị Hồng Thoa	411220373	22CNA10	2	14 (B402)
364	245364	Bùi Ngọc Anh Thư	412220290	22CNATMCLC04	2	14 (B402)
365	245365	Bùi Thị Diễm Thư	411230646	23CNATT01	2	14 (B402)
366	245366	Đào Anh Thư	411230686	23CNATT02	2	14 (B402)
367	245367	Đỗ Hà Anh Thư	412220209	22CNATMCLC01	2	14 (B402)
368	245368	Đỗ Thị Anh Thư	411171068	17CNACLC04	2	14 (B402)
369	245369	Huỳnh Ngọc Anh Thư	412220323	22CNATMĐT01	2	14 (B402)
370	245370	Lê Trần Anh Thư	412220031	22CNADL01	2	14 (B402)
371	245371	Phan Huỳnh Anh Thư	412250386	25CNADL04	2	14 (B402)

<b>TT</b>	<b>SBD</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Số thẻ SV</b>	<b>Lớp</b>	<b>Ca thi</b>	<b>Phòng thi</b>
372	245372	Nguyễn Thị Thuận	411170593	17CNA11	2	14 (B402)
373	245373	Nguyễn Thị Thương	411220071	22CNA02	2	14 (B402)
374	245374	Nguyễn Thái Thủy	411220539	22CNATT02	2	14 (B402)
375	245375	Bùi Thanh Thúy	416220130	22CNQTH01	2	14 (B402)
376	245376	Hoàng Thị Phương Thúy	411210155	21CNA01	2	14 (B402)
377	245377	Huỳnh Lê Phương Thúy	411220186	22CNA05	2	14 (B402)
378	245378	Nguyễn Thanh Thúy	412210074	21CNADL02	2	14 (B402)
379	245379	Nguyễn Thị Thúy	411190770	19CNACLC05	2	14 (B402)
380	245380	Thái Thị Thanh Thúy	411200096	20CNA01	2	14 (B402)
381	245381	Trần Thị Ngọc Thúy	412210257	21CNATMCLC02	2	14 (B402)
382	245382	Nguyễn Thị Minh Thùy	411220224	22CNA06	2	14 (B402)
383	245383	Đỗ Thị Thanh Thùy	411200720	20CNACLC06	2	14 (B402)
384	245384	Huỳnh Thị Như Thùy	415230206	23BHTCTQ02	2	14 (B402)
385	245385	Lê Thị Thanh Thùy	411230454	23CNA11	2	14 (B402)
386	245386	Nguyễn Thị Thanh Thùy	412220265	22CNATMCLC03	2	14 (B402)
387	245387	Trần Thị Thanh Thùy	411190384	19CNA06	2	14 (B402)
388	245388	Lý Quỳnh Thy	411200815	20CNACLC08	2	15 (B403)
389	245389	Trần Thị Ái Thy	411230493	23CNA12	2	15 (B403)
390	245390	Đặng Thị Quế Tiên	411220406	22CNACLC01	2	15 (B403)
391	245391	Trương Ngọc Tiên	411170631	17CNA07	2	15 (B403)
392	245392	Hồ Thị Anh Tiên	412210076	21CNADL02	2	15 (B403)
393	245393	Đặng Ngọc Trâm	411210730	22CNACLC03	2	15 (B403)
394	245394	Hoàng Huỳnh Bích Trâm	412190794	19CNATMCLC01	2	15 (B403)
395	245395	Huỳnh Thị Bích Trâm	411210198	21CNA02	2	15 (B403)
396	245396	Nguyễn Hoàng Bảo Trâm	411230532	23CNA13	2	15 (B403)
397	245397	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	412200273	20CNATMCLC01	2	15 (B403)
398	245398	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	411220376	22CNA10	2	15 (B403)
399	245399	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	411220541	22CNATT02	2	15 (B403)
400	245400	Trần Thị Huỳnh Trâm	411170650	17CNA05	2	15 (B403)
401	245401	Trần Thị Yến Trâm	411220338	22CNA09	2	15 (B403)
402	245402	Võ Thị Vân Trâm	411220033	22CNA01	2	15 (B403)
403	245403	Châu Bảo Trân	412210228	21CNATMCLC01	2	15 (B403)
404	245404	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	411210283	21CNA04	2	15 (B403)
405	245405	Phan Nguyễn Quế Trân	411220264	22CNA07	2	15 (B403)
406	245406	Đỗ Thị Thùy Trang	412180939	18CNATMCLC01	2	15 (B403)
407	245407	Hoàng Thị Trang	411190958	19CNA03	2	15 (B403)
408	245408	Lê Thị Thùy Trang	411200789	20CNACLC07	2	15 (B403)
409	245409	Nguyễn Đức Quỳnh Trang	411230378	23CNA09	2	15 (B403)
410	245410	Nguyễn Lê Thùy Trang	411220302	22CNA08	2	15 (B403)
411	245411	Nguyễn Quỳnh Trang	411200549	20CNA12	2	15 (B403)
412	245412	Nguyễn Thị Huyền Trang	411190787	19CNACLC08	2	15 (B403)
413	245413	Nguyễn Thị Huyền Trang	411220377	22CNA10	2	15 (B403)
414	245414	Nguyễn Thị Thu Trang	411200791	20CNACLC07	2	15 (B403)
415	245415	Nguyễn Thị Thùy Trang	411200141	20CNA02	2	16 (C401)
416	245416	Nguyễn Thùy Trang	411200432	20CNA09	2	16 (C401)
417	245417	Phạm Thị Trang	411220407	22CNACLC01	2	16 (C401)
418	245418	Trương Mai Huyền Trang	411230690	23CNATT02	2	16 (C401)
419	245419	Võ Thị Thùy Trang	411200552	20CNA12	2	16 (C401)
420	245420	Đoàn Nguyễn Thiện Trí	411220303	22CNA08	2	16 (C401)
421	245421	Đỗ Nữ Hoàng Trinh	411200819	20CNACLC08	2	16 (C401)
422	245422	Hồ Mỹ Trinh	412190802	19CNATMCLC03	2	16 (C401)
423	245423	Kiều Nguyễn Quỳnh Trinh	412230034	23CNADL01	2	16 (C401)
424	245424	Lê Thị Hoài Trinh	415220102	22CNTDL01	2	16 (C401)
425	245425	Lê Thị Kim Trinh	411220505	22CNATT01	2	16 (C401)

<b>TT</b>	<b>SBD</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Số thẻ SV</b>	<b>Lớp</b>	<b>Ca thi</b>	<b>Phòng thi</b>
426	245426	Nguyễn Hoàng Trinh	411220075	22CNA02	2	16 (C401)
427	245427	Nguyễn Lê Tuyết Trinh	412220036	22CNADL01	2	16 (C401)
428	245428	Phạm Thị Trinh	411190804	19CNACLC04	2	16 (C401)
429	245429	Phan Nguyễn Tú Trinh	411220436	22CNACLC02	2	16 (C401)
430	245430	Trần Thị Trinh	411220035	22CNA01	2	16 (C401)
431	245431	Trần Thị Ngọc Trinh	412190805	19CNATMCLC01	2	16 (C401)
432	245432	Võ Thị Kim Trúc	412220182	22CNATM02	2	16 (C401)
433	245433	Nguyễn Đức Trung	412230114	23CNADL03	2	16 (C401)
434	245434	Phạm Thị Thanh Truyền	419230024	23SPA01	2	16 (C401)
435	245435	Ngô Thị Cẩm Tú	412220077	22CNADL02	2	16 (C401)
436	245436	Nguyễn Thị Cẩm Tú	412170724	17CNADL01	2	16 (C401)
437	245437	Nguyễn Thị Cẩm Tú	412170721	17CNADL02	2	16 (C401)
438	245438	Lê Quốc Tuấn	412200274	20CNATMCLC01	2	16 (C401)
439	245439	Nguyễn Văn Tuấn	411230611	23CNA15	2	16 (C401)
440	245440	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	411171123	17CNACLC06	2	16 (C401)
441	245441	Trần Thanh Tuyền	412180956	18CNATMCLC03	2	16 (C401)
442	245442	Võ Thanh Tuyền	412220078	22CNADL02	2	17 (C404)
443	245443	Phùng Lê Ty Ty	412220103	22CNADLCLC01	2	17 (C404)
444	245444	Đỗ Thảo Uyên	416220201	22CNQTHCLC01	2	17 (C404)
445	245445	Lê Thị Như Uyên	411210538	21CNA10	2	17 (C404)
446	245446	Lương Thị Thu Uyên	411200670	20CNACLC04	2	17 (C404)
447	245447	Nguyễn Hà Phương Uyên	411230536	23CNA13	2	17 (C404)
448	245448	Nguyễn Huỳnh Thảo Uyên	412230239	23CNATM03	2	17 (C404)
449	245449	Nguyễn Thị Mỹ Uyên	412230079	23CNADL02	2	17 (C404)
450	245450	Nguyễn Tô Uyên	411210614	21CNACLC01	2	17 (C404)
451	245451	Trần Thảo Uyên	411180967	18CNACLC03	2	17 (C404)
452	245452	Hoàng Ngọc Thảo Vân	415220103	22CNTTM02	2	17 (C404)
453	245453	Huỳnh Thị Vân	412210169	21CNATM02	2	17 (C404)
454	245454	Huỳnh Võ Hải Vân	411210329	21CNA05	2	17 (C404)
455	245455	Lê Thị Vân	411171140	17CNACLC06	2	17 (C404)
456	245456	Lê Thị Ngọc Vân	412220184	22CNATM02	2	17 (C404)
457	245457	Trần Thị Minh Vân	411190826	19CNACLC08	2	17 (C404)
458	245458	Trần Tường Văn	411220410	22CNACLC01	2	17 (C404)
459	245459	Lê Trần Yến Vi	412210203	21CNADLCLC01	2	17 (C404)
460	245460	Tăng Thị Vi	412171144	17CNATMCLC04	2	17 (C404)
461	245461	Nguyễn Hoàng Cát Vy	411220468	22CNACLC03	2	17 (C404)
462	245462	Phạm Nguyễn Thảo Vy	415210047	21CNTDL01	2	17 (C404)
463	245463	Phạm Thị Hà Vy	411180630	18CNA06	2	17 (C404)
464	245464	Võ Thị Tuyết Vy	411220546	22CNATT02	2	17 (C404)
465	245465	Phạm Thị Vy	411180634	18CNA03	2	17 (C404)
466	245466	Nguyễn Thị Bảo Yến	419220022	22SPA01	2	17 (C404)
467	245467	Nguyễn Thị Hải Yến	411220508	22CNATT01	2	17 (C404)
468	245468	Nguyễn Trần Bảo Yến	411220078	22CNA02	2	17 (C404)

Danh sách có 468 thí sinh./.

















